TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST
Ngày : 11-7-2022
V/V "Ly hôn giữa bà Đ và ông B, nợ chung".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Phương.
Ông Đặng Văn Bé.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 61/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 về việc "tranh chấp ly hôn, nợ chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2022/QĐXXST-HN ngày 21 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Ngọc Đ. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn B. Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Quỹ tín dụng nhân dân H (Quỹ tín dụng). Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Long An. Người đại diện theo pháp luật của Quỹ tín dụng H: Ông Đỗ Văn B, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2/ Tổ chức tài chính vi mô C (tổ chức C)- Chi nhánh Tân An, tỉnh Long An. Địa chỉ: Số A, đường T, phường B, thành phố A, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18-3-2022 và trong quá trình xét xử, bà Trương Ngọc Đ là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Trần Văn B chung sống với nhau từ năm 1997 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Tân Hưng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian khoảng 25 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là bà và ông B không hợp nhau. Bà và ông B không sống chung với nhau từ tháng 4 năm 2021 cho đến nay. Nay xét thấy

tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống có hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Trương Trường A, sinh ngày 17/12/1998 (đã trưởng thành), nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Cam kết không có. Phần tài sản là QSD đất là tài sản riêng của ông B do cha mẹ của ông B cho riêng ông B nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ chung bao gồm:

1/ Tổ chức tài chính vi mô C (Quỹ C)- Chi nhánh Tân An tỉnh Long An số tiền vay là 30.000.000 đồng, trả lãi theo từng tháng là 2.526.000 đồng, tiền lãi là 204.000 đồng, trả trong thời hạn 12 tháng tính từ ngày 20/02/2022, hạn thanh toán cuối cùng là 20/01/2023. Bà sẽ trả số tiền vốn vay và lãi cho (Quỹ C) theo từng tháng theo thỏa thuận của hợp đồng vay cho đến khi xong nợ.

2/ Quỹ tín dụng nhân dân H (Quỹ tín dụng) số tiền vay là 50.000.000 đồng, trả lãi theo từng tháng (cứ 02 tháng trả một lần với số tiền khoảng 1.100.000 đồng), trả trong thời hạn 16 tháng tính từ ngày 02/06/2021, hạn thanh toán cuối cùng là 01/10/2022. Bà và ông B sẽ cùng liên đới trả số tiền vốn vay và lãi cho (Quỹ tín dụng) theo thỏa thuận của hợp đồng cho đến khi xong nợ.

Ông Trần Văn B là bị đơn trình bày: Qua lời trình bày của bà Đ về điều kiện kết hôn là đúng và mâu thuẫn vợ chồng là đúng, nay bà Đ yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về nuôi con chung: Ông đồng ý theo đề xuất của bà Đ.

Về tài sản chung: Cam kết không có. Phần tài sản là QSD đất là tài sản riêng của ông do cha mẹ của ông cho riêng ông nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ chung như bà Đẹp trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Quỹ tín dụng nhân dân H (Quỹ tín dụng) và Tổ chức tài chính vi mô C (tổ chức C)- Chi nhánh Tân An có đơn xin xin từ chối tham gia hòa giải và xét xử vắng mặt, vì khoản nợ vay chưa đến hạn thanh toán nên không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Bà Đ yêu cầu ly hôn với ông B được quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành. Quỹ tín dụng và tổ chức C có đơn xin vắng mặt. Tòa án căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy hôn nhân giữa bà Đ và ông B có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Xét thấy tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bà Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông B. Xét thấy tình nghĩa vợ chồng giữa bà Đ và ông B không còn, mục đích hôn nhân không đạt được bà Đ yêu cầu ly hôn với ông B, ông B cũng đồng ý ly hôn nên theo quy định tại các điều 19, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ đối với ông B.

[4] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Trương Trường A, sinh ngày 17/12/1998 (đã trưởng thành). Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Các bên xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Quỹ tín dụng nhân dân H (Quỹ tín dụng) và Tổ chức tài chính vi mô C (tổ chức C)- Chi nhánh Tân An có đơn xin xét xử vắng mặt và không có yêu cầu ông B và bà Đ trả nợ trong vụ án này. Nên Hội đồng xét xử không xem xét, khi nào các bên có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Về án phí: Bà Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 09, 19, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trương Ngọc Đ ly hôn với ông Trần Văn B.

2. Về án phí: Bà Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà bà Đ đã nộp theo biên lai thu số 0007799 ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

4. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự.
- UBND xã Phước Tân Hưng;
- Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Bảo Trí